| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH QUẢNG NGÃI | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 2488/UBND-KTTH<br>V/v báo cáo thực hiện dự án FDI quy mô lớn, sử dụng nhiều đất | *Quảng Ngãi, ngày 05 tháng 7 năm 2013* |

| TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI | |
|---|---|
| CV ĐẾN | Số: 4446<br>Ngày: 09/7/13<br>Chuyển: |

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện Công văn số 4158/BKHĐT-ĐTNN ngày 18/6/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc báo cáo thực hiện dự án FDI quy mô lớn, sử dụng nhiều đất, UBND tỉnh Quảng Ngãi tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện các dự án FDI có quy mô lớn, sử dụng nhiều đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi như sau:

Hiện nay, tỉnh Quảng Ngãi có 05 dự án FDI có vốn đầu tư đăng ký từ 100 triệu đô la Mỹ trở lên hoặc diện tích đất sử dụng từ 50 ha trở lên, trong đó có 04 dự án trong Khu kinh tế Dung Quất và 01 dự án ngoài Khu kinh tế, Khu công nghiệp tỉnh, cụ thể:

- Trong Khu kinh tế Dung Quất:

+ Dự án Nhà máy Công nghiệp nặng Doosan Vina do Công ty TNHH Công nghiệp nặng và Xây dựng Doosan (DHI) và Công ty TNHH Doosan Mecatec làm chủ đầu tư với tổng vốn đầu tư đăng ký là 310 triệu USD.

+ Dự án Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ VSIP Quảng Ngãi do Công ty liên doanh TNHH KCN Việt Nam – Singapore làm chủ đầu tư với tổng vốn đầu tư đăng ký 125,35 triệu USD.

+ Dự án Nhà máy thép Guang Lian Dung Quất do Công ty TNHH Guang Lian Steel (Việt Nam) làm chủ đầu tư với tổng vốn đầu tư đăng ký là 3.000 triệu USD.

+ Dự án Kho ngầm chứa xăng dầu tại Khu kinh tế Dung Quất do Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam làm chủ đầu tư với tổng vốn đầu tư đăng ký là 340 triệu USD.

- Ngoài Khu kinh tế, Khu công nghiệp tỉnh: Dự án Khu liên hợp Bến xe Quảng Ngãi do Công ty Cổ phần Thiên ấn Holding làm chủ đầu tư với tổng vốn đầu tư đăng ký là 21,81 triệu USD.

*(Chi tiết có báo cáo của chủ đầu tư đối với từng dự án theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 và báo cáo tổng hợp của UBND tỉnh theo mẫu quy định tại Phụ lục 2, Công văn số 4158/BKHĐT-ĐTNN của Bộ Kế hoạch và Đầu tư kèm theo)*

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo./.

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- BQL KKT Dung Quất;
- VPUB: C,PVP(CNXD), P.CNXD, CBTH;
- Lưu: VT, KTTH.

**KT. CHỦ TỊCH**

**Cao Khoa**

Tên cơ quan báo cáo: UBND tỉnh Quảng Ngãi Ngày báo cáo: /7/2013

# PHỤ LỤC 2: BIỂU TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

## Tỉnh Quảng Ngãi

*(Kèm theo Công văn số [illegible]/UBND-KTTH ngày 05/7/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

| STT | Tên DN, Dự án | Số GP/ CNĐT (ngày cấp...) | Nhận xét của cơ quan quản lý về báo cáo của Công ty, tình hình thực hiện dự án | Đề xuất và kiến nghị |
|---|---|---|---|---|
| I | Các Doanh nghiệp có báo cáo | | | |
| 1 | Công ty TNHH CNN Doosan Vina | Số: 652023000001 Cấp lần đầu ngày 20/11/2006; Điều chỉnh lần 6 ngày 20/11/2011. | - Công ty đã hoàn thành báo cáo đúng thời gian quy định và số liệu tương đối đầy đủ;<br>- Công ty đã đưa vào hoạt động giai đoạn 1. Hiện còn khu đất 28 ha chủ đầu tư chưa triển khai do suy giảm kinh tế toàn cầu. | |
| 2 | Công ty TNHH Guang Lian Steel (Việt Nam) | Số: 6520142000009 Cấp lần đầu ngày 8/9/2006; Điều chỉnh lần 4 ngày 18/04/2008 | - Công ty đã hoàn thành báo cáo đúng thời gian quy định và số liệu tương đối đầy đủ;<br>- Hiện dự án đang trong quá trình triển khai quan hệ hợp tác với tập đoàn thép JFE. JFE đã trình báo cáo sơ bộ PreFS cho Ban quản lý KKT Dung Quất và các Bộ ngành Trung ương. | Kính đề nghị các Bộ ngành liên quan ủng hộ việc hợp tác đầu tư giữa JFE và Guang Lian để thúc đẩy dự án triển khai nhanh và thuận lợi. |
| 3 | Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu dầu khí Việt Nam | Số: 65202000016 Cấp lần đầu ngày 25/02/2010; Điều chỉnh lần 1 ngày 22/04/2013. | - Công ty đã hoàn thành báo cáo đúng thời gian quy định và số liệu tương đối đầy đủ;<br>- Dự án đã được điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án. | |
| 4 | Công ty TNHH VSIP Quảng Ngãi | Số: 65204300018 Cấp lần đầu ngày 23/04/2013 | Về cơ bản đã hoàn thành các thủ tục đầu tư và chuẩn bị khởi công xây dựng vào tháng 9/2013. | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 5 | Công ty CP Thiên Ấn Holding | Số: 34121000072 Cấp lần đầu ngày 12/04/2010; Điều chỉnh lần 4 ngày 20/02/2013. | - Công ty đã hoàn thành báo cáo đúng thời gian quy định và số liệu tương đối đầy đủ;<br>- Dự án đang tiến hành công tác giải phòng mặt bằng. | |
| **II** | **Các Doanh nghiệp không báo cáo** | Không có | | |
| | | | | |

**Phụ lục 1**: Mẫu biểu (áp dụng cho doanh nghiệp, báo cáo cho từng dự án)

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN**

*(Kèm theo công văn số 684/BQL –XTQLĐT ngày 25 /6/2013 của BQL KKT Dung Quất)*

**I. Thông tin chung về doanh nghiệp:**

1. Tên doanh nghiệp: **Công ty TNHH Công nghiệp nặng Doosan Việt Nam**

Điện thoại liên hệ: 055 3 618 900

2. Số GPĐT/GCNĐT: 652023000001. Lần đầu cấp ngày 20/11/2009

Số GCNĐT điều chỉnh (nếu có):

- Điều chỉnh lần 1 ngày 17/09/2009 về điều chỉnh nội dung ngành nghề kinh doanh
- Điều chỉnh lần 2 ngày 23/12/2009: điều chỉnh số vốn đầu tư kinh doanh
- Điều chỉnh lần 3 ngày 04/01/2011: điều chỉnh ngành nghề kinh doanh
- Điều chỉnh lần 4 ngày 27/01/2011: các văn phòng đại diện của công ty tại Hà Nội và Quảng Ninh.
- Điều chỉnh lần 5 ngày 07/06/2011: thay đổi tên thành viên góp vốn và thay đổi tên người đại diện pháp luật của công ty.
- Điều chỉnh lần 6 ngày 20/11/2011: điều chỉnh các thông tin liên quan đến văn phòng đại diện Quảng Ninh.

*Ghi chú: Sao kèm theo các GP, GCN đầu tư điều chỉnh.*

3. Chủ đầu tư: Công ty TNHH công nghiệp nặng và Xây dựng Doosan (DHI) và Công ty TNHH Doosan Mecatec

4. Hình thức đầu tư (Công ty TNHH, Cổ phần, BCC....): Công ty TNHH

5. Trụ sở chính: KKT Dung Quất, Bình Thuận, Bình Sơn, Quảng Ngãi

6. Tên dự án: Công nghiệp nặng Doosan Vina

7. Mục tiêu hoạt động dự án: thiết kế, sản xuất máy móc công nghiệp nặng, linh kiện, thiết bị và phương tiện cho ngành điện nước, hóa chất và các ngành công nghiệp nặng, công cụ máy rô bốt, xây dựng vận hành bến cảng, cung cấp các dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa các loại máy móc thiết bị..... Tạo công ăn việc làm cho người dân Quảng Ngãi và các vùng lân cận.

8. Vốn đầu tư dự án:

- Tổng vốn đầu tư đăng ký (USD):310 triệu đô la Mỹ
- Tổng vốn góp của các nhà đầu tư (USD): 195.000.000 USD; trong đó:

+ Nhà đầu tư DHI: góp 147.242.463 USD,

+ Nhà đầu tư Doosan Mecatec góp 47.757.537 USD

- Tiến độ góp vốn cam kết: 42 tháng kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đầu tư

9. Thời hạn hoạt động: 70 năm

**II Tình hình thực hiện dự án** (tính đến ngày 31/5/2013)

1. Thực hiện các thủ tục hành chính:

- Mã số thuế: 4300345073
- Giấy phép xây dựng số: 01/GPXD-BQL ngày 28/01/2008 xây dựng nhà nghỉ giữa ca



Copyright by Doosan Heavy Industries Vietnam. Co.,Ltd. All Rights Reserved.

- Số 02/GPXD-BQL cấp ngày 02/04/2007 về xây dựng các hạng mục nhà máy công nghiệp nặng Doosan Việt Nam

- Giấy phép xây dựng số 03/GPXD-BQL ngày 12/06/2007 xây dựng bến cập tàu

- Giấy phép xây dựng số 14/GPXD-BQL ngày 29/07/2008 xây dựng khu nhà ở Vạn Tường

2. Thực hiện vốn đầu tư (USD):

2.1 Thực hiện góp vốn của từng nhà đầu tư:

| TT | Tên nhà đầu tư | Vốn góp theo GCNĐT (USD) | Vốn đã góp (USD) | Góp bằng: - Tiền mặt.. - Đất:..... -..... (USD) | - Số chứng từ..... - Ngày góp |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | DHI | 147.242.463 | 147.242.463 | - Tiền mặt: 139.481.240,10 - Máy móc: 7.761.221,90 | |
| 2 | Doosan Mecatec | 47.757.537 | 47.757.537 | - Tiền mặt: 47.757.537 | |
| | Tổng | 195,000,000 | | | |

2.2 Vốn vay đã thực hiện (cả vay tại Việt Nam và vay nước ngoài):

| TT | Tên nhà cho vay (thuộc nước) | Vốn vay (USD) | - Số chứng từ.... ..... - Ngày vay ..... |
|---|---|---|---|
| 1 | Ngân hàng phát triển Hàn Quốc | 30,000,000 | 09/11/2010 |
| 2 | Ngân hàng phát triển Hàn Quốc | 50,000,000 | 20/06/2012 |
| | Tổng | 80.000,000 | |

3. Tình hình triển khai từng mục tiêu/ hạng mục công việc, chi phí đầu tư dự án:

| TT | Công việc, Hạng mục đầu tư | Tiến độ cam kết theo hồ sơ /GCNĐT | Tổng chi phí dự kiến | Chi phí đã thực hiện | Tiến độ thực hiện thực tế |
|---|---|---|---|---|---|
| | | (từ ../../.... đến../../....) | USD | USD | (từ ../../.... đến../../....) |
| 1 | Khởi công | 02/2007 | | | |
| 2 | Xây dựng cảng chuyên dụng | 07/2007 – 04/2009 | | | |
| 3 | Xây dựng các xưởng | 01/2008-12/2008 | | | |
| Tổng | | | | | |



Copyright by Doosan Heavy Industries Vietnam. Co.,Ltd. All Rights Reserved.

- Nhận xét việc triển khai dự án đã theo tiến độ cam kết chưa, nếu chậm, giải trình lý do: ***Trường hợp được gia hạn tiến độ thực hiện đề nghị nêu tóm tắt nội dung văn bản đề nghị, văn bản chấp thuận (số, ngày, tháng, năm) của cơ quan quản lý nhà nước***

4. Sử dụng đất:

4.1. Đất được giao và tình hình sử dụng:

| TT | Tổng diện tích được chấp thuận về nguyên tắc khi cấp phép | Diện tích đã có quyết định giao đất | Số Quyết định (ngày, tháng, năm) |
|---|---|---|---|
| | 110 (ha) | 110 (ha) | Hợp đồng thuê đất và mặt nước ký giữa Dolan Heavy Industries & Construction và DEZA ngày 12/09/2006 |

4.2. Giải trình, nêu các ý kiến liên quan về việc cho thuê và sử dụng đất, việc thực hiện tiến độ sử dụng đất, nếu chậm, nêu rõ nguyên nhân: Hiện nay Doosan Vina còn khu đất 28 ha chưa được đưa vào xây dựng vì chưa có kinh phí.

5. Tình hình kinh doanh, thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước:

| TT | Nội dung | Năm 2011 Đồng | Năm 2012 Đồng | Lũy kế (từ khi thành lập) |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Lợi nhuận trước thuế/ (lỗ) | (190,000,000,000) | (377,000,000,000) | |
| 2 | Nộp thuế, NSNN (tổng số) | 21,700,000,000 | 51,000,000,000 | |
| 2.1 | - Thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế xuất khẩu | 0 | 0 | |
| 2.2 | - Thuế nhập khẩu | 6,200,000,000 | 6,500,000,000 | |
| 2.3 | - Thuế VAT | 500,000,000 | 12,200,000,000 | |
| 2.4 | - Thuế thu nhập cá nhân | 11,100,000,000 | 22,500,000,000 | |
| 2.5 | - Tiền thuê đất | | | |
| 2.6 | Thuế, nộp NS khác (Thuế nhà thầu) | 3,900,000,000 | 9,800,000,000 | |

6. Lao động (người):

| | Tổng số | Người VN | Người nước ngoài | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Số lượng | Quốc tịch | có GP lao động | Diện miễn GP lao động |
| Lao động phổ thông | 200 | 200 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Lao động kỹ thuật | 1389 | 1389 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Cán bộ điều hành | 821 | 585 | 236 | Hàn Quốc, Mỹ... | 231 | 1 |
| **Tổng số:** | **2410** | **2174** | **236** | | **231** | **1** |

**III. Đánh giá chung về hoạt động của doanh nghiệp:**



Copyright by Doosan Heavy Industries Vietnam. Co.,Ltd. All Rights Reserved.

- Hiệu quả kinh tế, xã hội của dự án (đến nay và tương lai):

Dự án hiện đang hoạt động tốt, tuy chưa tạo ra lợi nhuận nhưng đang sản xuất nhiều sản phẩm đạt chất lượng cao và được ưa chuộng trên khắp thế giới.Tạo công ăn việc làm cho nhiều người dân của tỉnh Quảng Ngãi và các vùng lân cận.

- Kế hoạch triển khai dự án trong thời gian tới, nêu công việc, tiến độ thời gian: Dự kiến đưa vào sử dụng khu đất 28 ha của công ty Doosan Vina.

Ngày 25 tháng 06 năm 2013

Tổng giám đốc

(Ký tên và đóng dấu)



Copyright by Doosan Heavy Industries Vietnam. Co.,Ltd. All Rights Reserved.

**Phụ lục 1**: Mẫu biểu (áp dụng cho doanh nghiệp, báo cáo cho từng dự án)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

*(Kèm theo công văn số ...../BQL –XTQLĐT ngày /6/2013 của BQL KKT Dung Quất)*

**I. Thông tin chung về doanh nghiệp:**

1. Tên doanh nghiệp: Công Ty TNHH VSIP Quảng Ngãi

Điện thoại liên hệ: 055 373 6666 ...mobile:.....

2. Số GPĐT/GCNĐT: 65204300018 ngày cấp: 23/04./ 2012

Số GCNĐT điều chỉnh (nếu có): ..... ngày cấp: ..../..../ .....

Tóm tắt nội dung điều chỉnh: .....

*Ghi chú: Sao kèm theo các GP, GCN đầu tư điều chỉnh.*

3. Chủ đầu tư ( ghi rõ tên từng nhà đầu tư tham gia, tên nước /vùng lãnh thổ):

4. Hình thức đầu tư (Công ty TNHH, Cổ phần, BCC....): Công Ty TNHH

5. Trụ sở chính:Petrosetco Tower, số 01 An Dương Vương, TP Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi

6. Tên dự án: Khu Công Nghiệp, Đô Thị và Dịch Vụ VSIP Quảng Ngãi

7. Mục tiêu hoạt động dự án: Đầu tư, xây dựng, khai thác, quản lý và kinh doanh Khu công nghiệp, khu dịch vụ tổng hợp ( thương mại, dịch vụ, nhà ở ) nằm trong tổng thể dự án Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ VSIP Quảng Ngãi theo quy hoạch đã được phê duyệt.

8. Vốn đầu tư dự án:

- Tổng vốn đầu tư đăng ký (USD) : 125.350.000USD
- Tổng vốn góp của các nhà đầu tư (USD):25.080.000 trong đó:

+ Nhà đầu tư....: góp.....USD, bằng tiền mặt.....USD, bằng.....USD

+ Nhà đầu tư....: góp.....USD, bằng tiền mặt.....USD, bằng.....USD

- Tiến độ góp vốn cam kết:.

| Thời điểm góp vốn | Số tiền góp vốn |
|---|---|
| Trong vòng 12 tháng kể từ ngày dự án được Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu | 83.400.000.000 đồng, tương đương 04 triệu USD |
| Trong vòng 24 tháng kể từ ngày dự án được Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu | 166.800.000.000 đồng, tương đương 08 triệu USD |
| Trong vòng 36 tháng kể từ ngày dự án được Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu | 522.918.000.000 đồng, tương đương 25.080.000 USD |

9. Thời hạn hoạt động: 70 năm

**II Tình hình thực hiện dự án** (tính đến ngày 31/5/2013)

1. Thực hiện các thủ tục hành chính:

- Khắc dấu ngày.....;
- Mã số thuế: 4300692077 ngày 12/10/2012

- Thủ tục xây dựng:

- Giấy phép xây dựng số: ..... cấp ngày.....;

2. Thực hiện vốn đầu tư (USD):

2.1 Thực hiện góp vốn cua từng nhà đầu tư:

| TT | Tên nhà đầu tư | Vốn góp theo GCNĐT (USD) | Vốn đã góp (USD) | Góp bằng: - Tiền mặt.. - Đất:..... -..... (USD) | - Số chứng từ..... - Ngày góp |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Công ty LD TNHH KCN VSIP | 25.080.000 | 10.000.000 | | |
| 2 | | | | | |
| | | | | | |

2.2 Vốn vay đã thực hiện (cả vay tại Việt Nam và vay nước ngoài):

| TT | Tên nhà cho vay (thuộc nước) | Vốn vay (USD) | - Số chứng từ.... ..... - Ngày vay ..... |
|---|---|---|---|
| 1 | không | | |
| 2 | | | |
| | Tổng | ..... | |

3. Tình hình triển khai từng mục tiêu/ hạng mục công việc, chi phí đầu tư dự án:

| TT | Công việc, Hạng mục đầu tư | Tiến độ cam kết theo hồ sơ /GCNĐT | Tổng chi phí dự kiến | Chi phí đã thực hiện | Tiến độ thực hiện thực tế |
|---|---|---|---|---|---|
| | | (từ ../../.... đến../../....) | USD | USD | (từ ../../.... đến../../....) |
| 1 | Bồi thường & giải phóng mặt bằng giai đoạn 1A (184ha) | Đã hoàn thành 120ha | 8.000.000 | 7.724.722 | Tháng 3/2013 |
| 2 | Bồi thường & giải phóng mặt bằng phần còn lại của GĐ1A và khu dịch vụ 60ha | Khoảng 64ha của giai đoạn 1A KCN và 60ha khu dịch vụ | 1.667.066 | 1.494.632 | Tháng 9 / 2013 |
| Tổng | | | ..... | | ..... |

- Nhận xét việc triển khai dự án đã theo tiến độ cam kết chưa, nếu chậm, giải trình lý do: ***Trường hợp được gia hạn tiến độ thực hiện đề nghị nêu tóm tắt nội dung văn bản đề nghị, văn bản chấp thuận (số, ngày, tháng, năm) của cơ quan quản lý nhà nước***

4. Sử dụng đất:

4.1. Đất được giao và tình hình sử dụng:

| TT | Tổng diện tích được chấp thuận về nguyên tắc khi cấp phép | Diện tích đã có quyết định giao đất | Số Quyết định (ngày, tháng, năm) |
|---|---|---|---|
| | (ha) | (ha) | (ha) |
| | | | |
| | 1.226,86 | | |

4.2. Giải trình, nêu các ý kiến liên quan về việc cho thuê và sử dụng đất, việc thực hiện tiến độ sử dụng đất, nếu chậm, nêu rõ nguyên nhân:.....

5. Tình hình kinh doanh, thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước:

| TT | Nội dung | Năm 2012 | Năm 2013 | Lũy kế (từ khi thành lập) |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Lợi nhuận trước thuế/ (lỗ) | (3.056.907.940) VNĐ | (5.744.634.666) VNĐ | (8.801.542.606) VNĐ |
| 2 | Nộp thuế, NSNN (tổng số) | | | |
| 2.1 | - Thuế thu nhập doanh nghiệp | | | |
| 2.2 | - Thuế xuất nhập khẩu | | | |
| 2.3 | - Thuế VAT | | | |
| 2.4 | - Thuế thu nhập cá nhân | | 8.397.470 (VNĐ) | 8.397.470 (VNĐ) |
| 2.5 | - Tiền thuê đất | | | |
| 2.6 | Thuế, nộp NS khác (ghi tên thuế) –Nộp thay thuế nhà thầu | | 171.908.585 (VNĐ) | 171.908.585 (VNĐ) |
| | | | | |

6. Lao động (người):

| | Tổng số | Người VN | Người nước ngoài | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Số lượng | Quốc tịch | có GP lao động | Diện miễn GP lao động |
| Lao động phổ thông | | | | | | |
| Lao động kỹ thuật | | | | | | |
| Cán bộ điều hành | | | 2<br>1 | Singapore<br>Malaysia | 3 | |
| Tổng số: | 50 | 47 | 3 | | | ..... |

**III. Đánh giá chung về hoạt động của doanh nghiệp:**

- Hiệu quản kinh tế, xã hội của dự án (đến nay và tương lai):

Công ty VSIP mong muốn xây dựng mô hình khu đô thị-công nghiệp-dịch vụ đã thành công ở Bình Dương, Bắc Ninh và Hải Phòng đến Quảng Ngãi.

Hiện nay, các KCN VSIP đã thu hút khoảng 490 nhà đầu tư trong và ngoài nước với tổng số vốn đầu tư khoảng 6,5 tỉ USD và tạo ra gần 150.000 việc làm.

- Kế hoạch triển khai dự án trong thời gian tới, nêu công việc, tiến độ thời gian: Công ty VSIP QN tiếp tục triển khai công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư giai đoạn 1 KCN.

Công tác san lấp và xây dựng cơ sở hạ tầng cũng đã được triển khai. Dự kiến Lễ động thổ sẽ diễn ra vào giữa tháng 9/2013.

Công ty VSIP QN cam kết bàn giao đất cho các nhà đầu tư xây dựng nhà máy vào tháng 9/2013.

Khó khăn & kiến nghị: - Cơ sở hạ tầng cần được nâng cấp, mở rộng như: sân bay, đường cao tốc, cảng nước sâu, hệ thống đường bộ trong tỉnh…
- Tình hình kinh tế vĩ mô trong nước ảnh hưởng đến khả năng đầu tư và mở rộng của các doanh nghiệp như: lãi suất cao, khó tiếp cận nguồn vốn ngân hàng, lạm phát cao làm kém hiệu quả đầu tư, nhu cầu và sức mua của thị trường trong nước giảm mạnh làm ảnh hưởng đến các doanh nghiệp nhắm đến thị trường nội địa. Tình hình kinh tế thế giới suy giảm và vẫn chưa hồi phục, đặc biệt tại các thị trường mục tiêu như Mỹ, Châu Âu.
- Sự cạnh tranh từ các quốc gia lân cận như Indonesia, Trung Quốc, Thái Lan, Myanmar trong khi các chính sách khuyến khích đầu tư không còn cạnh tranh như các ưu đãi đầu tư…

-Công ty VSIP QN mong muốn tiếp tục nhận được hỗ trợ kịp thời từ chính quyền các cấp trong công tác giải phóng mặt bằng và triển khai xây dựng Dự án.

Ngày…1……tháng…7……năm 2013

Tổng giám đốc

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN VSIP QUẢNG NGÃI

BENJAMIN LAM.

(Ký tên và đóng dấu)

**Phụ lục 1**: Mẫu biểu (áp dụng cho doanh nghiệp, báo cáo cho từng dự án)

# BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

*(Kèm theo công văn số 684/BQL –XTQLĐT ngày 25/6/2013 của BQL KKT Dung Quất)*

**I. Thông tin chung về doanh nghiệp:**

1. Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY TNHH GUANG LIAN STEEL (VIỆT NAM)**

   Điện thoại liên hệ: 055-3620917 mobile:.....

2. Số GPĐT/GCNĐT: 651042000009 ngày cấp: 08/09/2006

   Số GCNĐT điều chỉnh (nếu có):

   - Điều chỉnh lần thứ nhất, ngày 14/12/2006
   - Điều chỉnh lần thứ hai, ngày 12/10/2007
   - Điều chỉnh lần thứ ba, ngày 04/02/2008
   - Điều chỉnh lần thứ tư, ngày 18/07/2008

   Tóm tắt nội dung điều chỉnh: điều chỉnh địa điểm thực hiện dự án, diện tích đất, đại diện pháp nhân, vốn …

   *Ghi chú: Sao kèm theo các GP, GCN đầu tư điều chỉnh.*

3. Chủ đầu tư ( ghi rõ tên từng nhà đầu tư tham gia, tên nước /vùng lãnh thổ): TYCOONS STEEL INTERNATIONAL CO., LTD
4. Hình thức đầu tư (Công ty TNHH, Cổ phần, BCC....): 100% vốn đầu tư nước ngoài
5. Trụ sở chính: Scotia Centre, 4th Floor, P.O.Box 2804 George Town, Grand Cayman, Cayman Islands.
6. Tên dự án: **NHÀ MÁY THÉP GUANG LIAN DUNG QUẤT**
7. Mục tiêu hoạt động dự án: xây dựng và vận hành nhà máy luyện cán thép, xây dựng và vận hành cảng chuyên dùng phục vụ nhà máy thép, xây dựng khu nhà ở cho công nhân và chuyên gia
8. Vốn đầu tư dự án:

   - Tổng vốn đầu tư đăng ký (USD): 3 tỷ đôla Mỹ
   - Tổng vốn góp của các nhà đầu tư (USD): .....; trong đó:

   + Nhà đầu tư....: góp.....USD, bằng tiền mặt.....USD, bằng.....USD

   + Nhà đầu tư....: góp.....USD, bằng tiền mặt.....USD, bằng.....USD

- Tiến độ góp vốn cam kết: 39.700.000 USD (tính đến ngày 25/06/2013)

9. Thời hạn hoạt động: 69 năm

**II Tình hình thực hiện dự án** (tính đến ngày 31/5/2013)

1. Thực hiện các thủ tục hành chính:

   - Khắc dấu ngày: 18/02/2008
   - Mã số thuế: 4300344425; ngày 05/03/2008
   - Thủ tục xây dựng: .....

- Giấy phép xây dựng số: ..... cấp ngày.....;

2. Thực hiện vốn đầu tư (USD):

2.1 Thực hiện góp vốn cua từng nhà đầu tư:

| TT | Tên nhà đầu tư | Vốn góp theo GCNĐT (USD) | Vốn đã góp (USD) | Góp bằng: - Tiền mặt.. - Đất:..... -..... (USD) | - Số chứng từ..... - Ngày góp |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Tycoons Steel International | | 39.700.000 (25/06/2013) | | |
| 2 | | | | | |

2.2 Vốn vay đã thực hiện (cả vay tại Việt Nam và vay nước ngoài):

| TT | Tên nhà cho vay (thuộc nước) | Vốn vay (USD) | - Số chứng từ.... - Ngày vay ..... |
|---|---|---|---|
| 1 | | | |
| 2 | | | |
| | Tổng | ..... | |

3. Tình hình triển khai từng mục tiêu/ hạng mục công việc, chi phí đầu tư dự án:

| TT | Công việc, Hạng mục đầu tư | Tiến độ cam kết theo hồ sơ /GCNĐT | Tổng chi phí dự kiến | Chi phí đã thực hiện | Tiến độ thực hiện thực tế |
|---|---|---|---|---|---|
| | | (từ ../../.... đến../../....) | USD | USD | (từ ../../.... đến../../....) |
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| Tổng | | | ..... | | ..... |

- Nhận xét việc triển khai dự án đã theo tiến độ cam kết chưa, nếu chậm, giải trình lý do: ***Trường hợp được gia hạn tiến độ thực hiện đề nghị nêu tóm tắt nội dung văn bản đề nghị, văn bản chấp thuận (số, ngày, tháng, năm) của cơ quan quản lý nhà nước***

4. Sử dụng đất:

4.1. Đất được giao và tình hình sử dụng:

| TT | Tổng diện tích được chấp thuận về nguyên tắc khi cấp phép | Diện tích đã có quyết định giao đất | Số Quyết định (ngày, tháng, năm) |
|---|---|---|---|
| 1 | 504(ha) | 336(ha) | - DT 222,7ha(ha): Quyết định số 189/QĐ-BQL ngày 11/5/2007 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | | - DT 71,9ha: QĐ số 134/ QĐ-BQL ngày 17/06/2010<br>- DT 6,3ha: QĐ số 134/ QĐ-BQL ngày 28/5/2012<br>- DT 26,9ha: QĐ số 31/ QĐ-UBND ngày 12/02/2010<br>- DT 3ha: QĐ 479/ QĐ-BQL ngày 26/12/2007<br>- DT 6ha: QĐ 480/ QĐ-BQL ngày 26/12/2007 |

4.2. Giải trình, nêu các ý kiến liên quan về việc cho thuê và sử dụng đất, việc thực hiện tiến độ sử dụng đất, nếu chậm, nêu rõ nguyên nhân:.....

5. Tình hình kinh doanh, thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước:

| TT | Nội dung | Năm 2011 | Năm 2012 | Lũy kế (từ khi thành lập) |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Lợi nhuận trước thuế/ (lỗ) | 64.239.927.447 | 51.245.461.336 | 269.455.975.204 |
| 2 | Nộp thuế, NSNN (tổng số) | 2.571.626.221 | 1.776.086.642 | 10.912.180.342 |
| 2.1 | -Thuế thu nhập doanh nghiệp | 14.241.078 | 6.144.094 | 1.387.549.307 |
| 2.2 | - Thuế xuất nhập khẩu | | | 29.039.000 |
| 2.3 | - Thuế VAT | | | |
| 2.4 | - Thuế thu nhập cá nhân | 1.958.603.340 | 1.499.388.548 | 6.624.475.391 |
| 2.5 | - Tiền thuê đất | | | |
| 2.6 | Thuế, nộp NS khác (ghi tên thuế) Lệ phí trước bạ nhà đất. Thuế môn bài, thuế nhà thầu NN | 598.781.803 | 270.554.000 | 2.871.116.644 |

6. Lao động (người):

| | Tổng số | Người VN | Người nước ngoài | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Số lượng | Quốc tịch | có GP lao động | Diện miễn GP lao động |
| Lao động phổ thông | 75 | 75 | | | | |
| Lao động kỹ thuật | 77 | 77 | | | | |
| Cán bộ điều hành | 112 | 81 | 31 | 25 (Đ.Loan)<br>6 (TQ) | 30 | 1 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Tổng số:** | **264** | **233** | **31** | | | ..... |

**III. Đánh giá chung về hoạt động của doanh nghiệp:**

- Hiệu quả kinh tế, xã hội của dự án (đến nay và tương lai): Xây dựng nhà máy thép có thể tạo ra nhiều cơ hội việc làm, thổi nên một sức sống mới cho nền kinh tế của địa phương, cống hiến hết sức mình cho sự phát triển của KKT Dung Quất và tỉnh Quảng Ngãi.

- Kế hoạch triển khai dự án trong thời gian tới, nêu công việc, tiến độ thời gian: xin xem biểu dưới đây

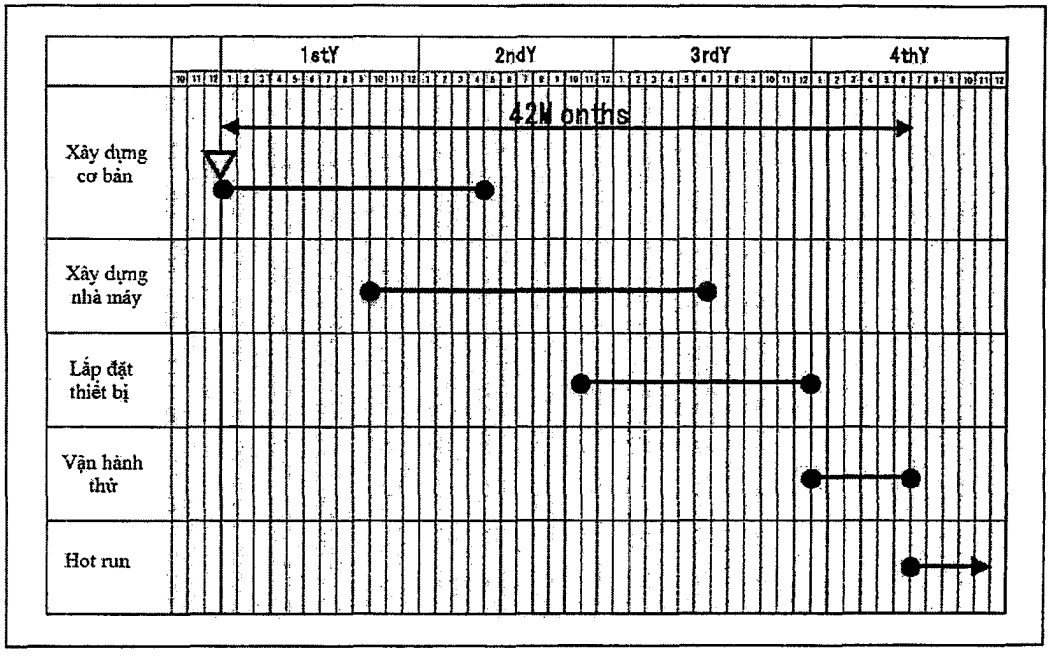


- Các vấn đề khó khăn vướng mắc hiện nay:

  Hiện nay, do dự án đang trong quá trình triển khai quan hệ hợp tác với Tập đoàn JFE, hầu hết các hạng mục công việc đang tích cực thỏa thuận với chính quyền, bao gồm việc xin bổ sung diện tích đất, quy hoạch khu cảng và các điều kiện ưu đãi .v.v. Về các vấn đề khó khăn, hiện tại cũng đang được giải quyết.

- Kiến nghị giải pháp tháo gỡ: Trên cơ sở MOU lần 1, kính mong tỉnh Quảng Ngãi và các ban ngành trung ương tiếp tục ủng hộ cho dự án.

Ngày 27 tháng 06 năm 2013

**TM Tổng giám đốc**

Phó Tổng giám đốc

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN GUANGLIANG STEEL (VIỆT NAM)

**LIN YUNG HUA**

**Phụ lục 1**: Mẫu biểu (áp dụng cho doanh nghiệp, báo cáo cho từng dự án)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

*(Kèm theo công văn số 684/BQL –XTQLĐT ngày 25/6/2013 của BQL KKT Dung Quất)*

**I. Thông tin chung về doanh nghiệp:**

1. Tên doanh nghiệp: **Công ty TNHH Kho Ngầm Xăng Dầu Dầu Khí Việt Nam.**

Điện thoại liên hệ: 08 62 911 247 / 248 mobile:.....

2. Số GPĐT/GCNĐT: 65202000016 ngày cấp: 25/02/2010.

Điều chỉnh lần 1 ngày: 22/04/2013.

Tóm tắt nội dung điều chỉnh:

Điều chỉnh tiến độ Dự án:

- Khảo sát, thiết kế cơ sở, đền bù – giải phóng mặt bằng: thực hiện trong năm 2013;
- Khởi công năm 2014;
- Hoàn thành đưa vào vận hành: 1.600.000 $m^3$ vào quý II năm 2021.
- Trong đó giai đoạn 1: 600.000 $m^3$ hoàn thành đưa vào vận hành quý I năm 2017

*Ghi chú: Sao kèm theo các GP, GCN đầu tư điều chỉnh.*

3. Chủ đầu tư ( ghi rõ tên từng nhà đầu tư tham gia, tên nước /vùng lãnh thổ):

- TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN (PV OIL CORP.); Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305795054 ngày 26/06/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp.

- CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LỌC HÓA DẦU BÌNH SƠN (BSR); giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4300378569 ngày 05/06/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp.

- CÔNG TY TNHH SHINSOJAE ENERGY KOREA (SEK); giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 134614-0000420 ngày 05/09/2008 tại Hàn Quốc.

4. Hình thức đầu tư (Công ty TNHH, Cổ phần, BCC....): Công ty TNHH

5. Trụ sở chính: Khu Công Nghiệp Dầu Khí Long Sơn, xã Long Sơn, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

6. Tên dự án: DỰ ÁN KHO NGẦM CHỨA XĂNG DẦU TẠI KHU KINH TẾ DUNG QUẤT

7. Mục tiêu hoạt động dự án: Đầu tư xây dựng và vận hành kho ngầm chứa xăng dầu để tồn chứa dầu thô và các sản phẩm dầu chủ yếu phục vụ nhà máy lọc dầu Dung Quất và các khách hang trong khu vực, đáp ứng sức chứa kho ngoại quan và phục vụ chiến lược tồn trữ quốc gia, đảm bảo an ninh năng lượng.

8. Vốn đầu tư dự án:

- Tổng vốn đầu tư đăng ký (USD): 340.000.000
- Tổng vốn góp của các nhà đầu tư (USD): 68.000.000: trong đó:

+ Nhà đầu tư: PV OIL CORP. góp 12.920.000 USD, bằng tiền mặt ..... USD, bằng ..... USD.

+ Nhà đầu tư: BSR. Góp 6.800.000 USD, bằng tiền mặt ..... USD, bằng ..... USD.

+ Nhà đầu tư: SEK. Góp 48.280.000 USD, bằng tiền mặt ..... USD, bằng ..... USD.

- Tiến độ góp vốn cam kết: theo tiến độ thực hiện dự án, sẽ được thống nhất sau khi lập dự án đầu tư.

9. Thời hạn hoạt động: 70 năm

**II Tình hình thực hiện dự án** (tính đến ngày 31/5/2013)

1. Thực hiện các thủ tục hành chính:

- Khắc dấu ngày 29/07/2008;
- Mã số thuế: 3500889978 ngày 30/07/2008;
- Thủ tục xây dựng: .....
- Giấy phép xây dựng số: ..... cấp ngày.....;

2. Thực hiện vốn đầu tư (USD):

2.1 Thực hiện góp vốn của từng nhà đầu tư:

| TT | Tên nhà đầu tư | Vốn góp theo GCNĐT (USD) | Vốn đã góp (USD) | Góp bằng: - Tiền mặt.. - Đất:..... -..... (USD) | - Số chứng từ..... - Ngày góp |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN (PV OIL CORP.) | 12.920.000 | | | |
| 2 | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LỌC HÓA DẦU BÌNH SƠN (BSR) | 6.800.000 | | | |
| 3 | CÔNG TY TNHH SHINSOJAE ENERGY KOREA (SEK) | 48.280.000 | | | |

2.2 Vốn vay đã thực hiện (cả vay tại Việt Nam và vay nước ngoài):

| TT | Tên nhà cho vay (thuộc nước) | Vốn vay (USD) | - Số chứng từ.... ..... - Ngày vay ..... |
|---|---|---|---|
| 1 | | | |
| 2 | | | |
| | Tổng | ..... | |

3. Tình hình triển khai từng mục tiêu/ hạng mục công việc, chi phí đầu tư dự án:

| TT | Công việc, Hạng mục đầu tư | Tiến độ cam kết theo hồ sơ /GCNĐT | Tổng chi phí dự kiến | Chi phí đã thực hiện | Tiến độ thực hiện thực tế |
|---|---|---|---|---|---|
| | | (từ ../../.... đến../../....) | USD | USD | (từ ../../.... |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | đến../../....) |
| 1 | Khảo sát, đo vẽ địa hình, địa chất | 20/07/2013 đến 20/11/2013 | 700.000 | 0 | |
| 2 | Khảo sát điều kiện địa chất xây dựng kho ngầm | | 20.000 | 20.000 | Đã hoàn thành |
| 3 | Hoàn thành Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi | | | | Đã hoàn thành |
| 4 | Thuê Tư vấn nghiên cứu và đề xuất các phương án tài chính và phương thức thuê kho. | | 20.000 | 20.000 | Đã hoàn thành |
| 5 | Rà phá bom mìn | 20/07/2013 đến 05/09/2013 | 40.000 | 0 | |
| 6 | Thiết kế | 01/09/2013 đến 01/03/2014 | 2.500.000 | 0 | |
| Tổng | | | ..... | | ..... |

- Nhận xét việc triển khai dự án đã theo tiến độ cam kết chưa, nếu chậm, giải trình lý do: ***Trường hợp được gia hạn tiến độ thực hiện đề nghị nêu tóm tắt nội dung văn bản đề nghị, văn bản chấp thuận (số, ngày, tháng, năm) của cơ quan quản lý nhà nước***

4. Sử dụng đất:

4.1. Đất được giao và tình hình sử dụng:

| TT | Tổng diện tích được chấp thuận về nguyên tắc khi cấp phép | Diện tích đã có quyết định giao đất | Số Quyết định (ngày, tháng, năm) |
|---|---|---|---|
| | (ha) | (ha) | (ha) |
| Diện tích đất kho ngầm | 40 | | |
| Hành lang tuyến ống | 30 | | |
| Diện tích mặt nước | 110 | | |

4.2. Giải trình, nêu các ý kiến liên quan về việc cho thuê và sử dụng đất, việc thực hiện tiến độ sử dụng đất, nếu chậm, nêu rõ nguyên nhân:.....

5. Tình hình kinh doanh, thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước:

| TT | Nội dung | Năm 2011 | Năm 2012 | Lũy kế (từ khi thành lập) |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Lợi nhuận trước thuế/ (lỗ) | (3.203.016.447) | (2.268.073.813) | (10.181.851.868) |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 2 | Nộp thuế, NSNN (tổng số) | | | |
| 2.1 | - Thuế thu nhập doanh nghiệp | | | |
| 2.2 | - Thuế xuất nhập khẩu | | | |
| 2.3 | - Thuế VAT | | | |
| 2.4 | - Thuế thu nhập cá nhân | 86.781.150 | 285.085.000 | 728.343.562 |
| 2.5 | - Tiền thuê đất | | | |
| 2.6 | Thuế, nộp NS khác (thuế nhà thầu, thuế môn bài) | 216.456.903 | 10.205.000 | 1.006.001.358 |
| | | | | |

6. Lao động (người):

| | Tổng số | Người VN | Người nước ngoài | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Số lượng | Quốc tịch | có GP lao động | Diện miễn GP lao động |
| Lao động phổ thông | 3 | 3 | | | | |
| Lao động kỹ thuật | 5 | 5 | | | | |
| Cán bộ điều hành | 6 | 5 | 1 | Hàn Quốc | có | |
| Tổng số: | 14 | 13 | 1 | | | ..... |

**III. Đánh giá chung về hoạt động của doanh nghiệp:**

- Hiệu quản kinh tế, xã hội của dự án (đến nay và tương lai):

.....

- Kế hoạch triển khai dự án trong thời gian tới, nêu công việc, tiến độ thời gian: Sauk hi thống nhất kế hoạch với Bộ Công thương, PVN và các Ban, Nghành liên quan, Công ty PVOS sẽ triển khai lập Dự án.

- Các vấn đề khó khăn vướng mắc hiện nay: .....

- Kiến nghị giải pháp tháo gỡ: .....

Ngày..27....tháng...06..năm 2013

Tổng giám đốc

CÔNG TY T.N.H.H KHO NGẦM XĂNG DẦU DẦU KHÍ VIỆT NAM

(Ký tên và đóng dấu)

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN**

*(Kèm theo công văn số 4158/BKHĐT-ĐTNN ngày 18/6/2013 của Bộ KHĐT)*

**I. Thông tin chung về doanh nghiệp:**

1. Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN THIÊN ÂN HOLDING

Điện thoại liên hệ: 055 – 3715732 mobile: .....

2. Số GPĐT/GCNĐT: 341032 0 00072 ngày cấp lần đầu ngày : 12/4/2010

- Số GCNĐT điều chỉnh (**lần 1**): 34121 000072/GCNĐC1/34/1 ngày cấp: 27/7/2010

Tóm tắt nội dung điều chỉnh: Thay đổi địa chỉ trụ sở chính

- Số GCNĐT điều chỉnh **(lần2):** 341032 000072/GCNĐC2/34/1 ngày cấp: 29/8/2011

Tóm tắt nội dung điều chỉnh: + Điều chỉnh người đại diện theo pháp luật

+ Điều chỉnh số cổ phần, loại cổ phần, cổ đông sáng lập đăng ký mua

- Số GCNĐT điều chỉnh (**lần3**): 34121 000072/GCNĐC3/34/1 ngày cấp: 19/6/2012

Tóm tắt nội dung điều chỉnh: + Bổ sung văn phòng đại diện của Công ty CP Thiên Ân Holding

+ Điều chỉnh người đại diện theo pháp luật

- Số GCNĐT điều chỉnh (**lần 4**): 34121 000072/GCNĐC4/34/1 ngày cấp: 20/02/2013

Tóm tắt nội dung điều chỉnh: + Thay đổi địa chỉ trụ sở chính

+ Điều chỉnh vốn điều lệ của doanh nghiệp

3. Chủ đầu tư : Liên doanh gồm các nhà đầu tư

- Công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Ân (Việt Nam)
- Công ty Trans Asia Development Pte.Ltd (Singapore)
- Công ty TNHH Đầu tư Tre Việt (Việt Nam)
- Bà Nguyễn Thị Hằng

4. Hình thức đầu tư (Công ty TNHH, Cổ phần, BCC....): Công ty Cổ phần

5. Trụ sở chính: Đường Đinh Tiên Hoàng, Tổ 14, phường Nghĩa Chánh. TP Quảng Ngãi

6. Tên dự án: Khu liên hợp Bến xe Quảng Ngãi

7. Mục tiêu hoạt động dự án: Xây dựng Khu liên hợp Bến xe Quảng Ngãi với các chức năng đáp ứng nhu cầu vận tải và nhu cầu đi lại của người dân, dịch vụ văn phòng, vui chơi giải trí. thương mại và nhà ở...

8. Vốn đầu tư dự án:

- Tổng vốn đầu tư đăng ký (USD): 21.809.524 USD
- Tổng vốn góp của các nhà đầu tư (USD): 2.666.667 USD; trong đó:

+ Công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Ân: góp 85.733 USD, bằng tiền gửi ngân hàng 85.714 USD, bằng tiền mặt 19 USD

+ Công ty Trans Asia Development Pte.Ltd: góp 2.446.134 USD bằng tiền gửi ngân hàng

+ Công ty TNHH Đầu tư Tre Việt: góp 36.400 USD, bằng tiền gửi ngân hàng 36.371 USD, bằng tiền mặt 29 USD

+ Bà Nguyễn Thị Hằng: góp 98.400 USD bằng tiền gửi ngân hàng

- Tiến độ góp vốn cam kết: Đã góp đủ

9. Thời hạn hoạt động: 50 năm

**II Tình hình thực hiện dự án** (tính đến ngày 31/5/2013)

1. Thực hiện các thủ tục hành chính:

- Khắc dấu ngày 13/04/2010.;
- Mã số thuế: 4300513874 ngày 18/05/2010;
- Thủ tục xây dựng: Dự án đã nhận được Quyết định số 4440/QĐ-UBND ngày 21/9/2010 về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu liên hợp Bến xe thành phố Quảng Ngãi và Quyết định số 5023/QĐ-UBND ngày 10/8/2012 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu liên hợp Bến xe, thành phố Quảng Ngãi.

2. Thực hiện vốn đầu tư (USD):

2.1 Thực hiện góp vốn của từng nhà đầu tư:

| TT | Tên nhà đầu tư | Vốn góp theo GCNĐT (USD) | Vốn đã góp (USD) | Góp bằng: - Tiền mặt.. - Đất:..... (USD) | - Số chứng từ..... - Ngày góp |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Ấn | 85.733 | 85.733 | TGNH: 85.714<br>TM: 19 | |
| 2 | Công ty Trans Asia Development Pte.Ltd | 2.446.134 | 2.446.134 | TGNH: 2.446.134 | |
| 3 | Công ty TNHH Đầu tư Tre Việt | 36.400 | 36.400 | TGNH: 36.371<br>TM: 29 | |
| 4 | Nguyễn Thị Hằng | 98.400 | 98.400 | TGNH: 36.400 | |
| | | | | | |

2.2 Vốn vay đã thực hiện (cả vay tại Việt Nam và vay nước ngoài):

| TT | Tên nhà cho vay (thuộc nước) | Vốn vay (USD) | - Số chứng từ.... ..... - Ngày vay ..... |
|---|---|---|---|
| 1 | Tan Tee Keon (Singapore) | 250.000 | Giấy báo có ngày 17/02/2011 |
| 2 | Nguyễn Tuấn Anh (Việt Nam) | 51.587 | Giấy báo có ngày 17/02/2011 |
| | **Tổng** | **301.587** | |

3. Tình hình triển khai từng mục tiêu/ hạng mục công việc, chi phí đầu tư dự án:

| TT | Công việc, Hạng mục đầu tư | Tiến độ cam kết theo hồ sơ /GCNĐT | Tổng chi phí dự kiến | Chi phí đã thực hiện | Tiến độ thực hiện thực tế |
|---|---|---|---|---|---|
| | | (từ../../.... đến../../....) | USD | USD | (từ ../../.... đến../../....) |
| 1 | Giải phóng mặt | Từ năm 2010 đến | 6.000.000 | 823.562 | Từ năm |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | bằng | năm 2013 | | | 2010 đến năm 2014 |
| 2 | Khởi công xây dựng và hoàn thành khu vực bến xe; Khởi công xây dựng Khu trung tâm thương mại – dịch vụ và Hoàn thiện cơ sở hạ tầng và hoàn thiện các công trình xây dựng trong Khu dân cư | Từ năm 2014 đến Quý I/2015 | 11.857.143 | 991.356 | Từ năm 2011 đến Quý I/2015 |
| 3 | Hoàn thiện và đưa vào sử dụng Khu Trung tâm Thương mại – Dịch vụ | Từ Quý II/2015 đến năm 2017 | 3.952.381 | | Từ Quý II/2015 đến năm 2017 |
| **Tổng** | | | **21.809.524** | **1.814.918** | |

- Nhận xét việc triển khai dự án đã theo tiến độ cam kết chưa, nếu chậm, giải trình lý do: Hiện nay việc triển khai dự án bị chậm so với tiến độ cam kết do khó khăn trong công tác đền bù, GPMB.

4. Sử dụng đất:

4.1. Đất được giao và tình hình sử dụng:

| TT | **Tổng diện tích được chấp thuận về nguyên tắc khi cấp phép** | **Diện tích đã có quyết định giao đất** | **Số Quyết định (ngày, tháng, năm)** |
|---|---|---|---|
| | (ha) | (ha) | (ha) |
| 1 | 7,783 | 4,632 | 257/QĐ-UBND ngày 20/11/2102 |
| | | | |

4.2. Giải trình, nêu các ý kiến liên quan về việc cho thuê và sử dụng đất, việc thực hiện tiến độ sử dụng đất, nếu chậm, nêu rõ nguyên nhân:

Tiến độ giao đất của dự án đến nay đang bị chậm vì gặp nhiều khó khăn vướng mắc trong công tác đền bù, GPMB.

5. Tình hình kinh doanh, thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước:

| TT | Nội dung | Năm 2011 | Năm 2012 | Lũy kế (từ khi thành lập) |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Lợi nhuận trước thuế/ (lỗ) | 1.375.213.564 | 141.430.679 | (571.050.967) |
| 2 | Nộp thuế, NSNN (tổng số) | 62.551.834 | 110.778.423 | 329.615.002 |
| 2.1 | - Thuế thu nhập doanh nghiệp | | 20.049.585 | 112.397.732 |
| 2.2 | - Thuế xuất nhập khẩu | | | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 2.3 | - Thuế VAT | | 15.677.804 | 15.677.804 |
| 2.4 | - Thuế thu nhập cá nhân | 60.551.834 | 73.051.034 | 193.539.466 |
| 2.5 | - Tiền thuê đất | | | |
| 2.6 | Thuế, nộp NS khác (thuế môn bài) | 2.000.000 | 2.000.000 | 8.000.000 |
| | | | | |

6. Lao động (người):

| | Tổng số | Người VN | Người nước ngoài | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Số lượng | Quốc tịch | có GP lao động | Diện miễn GP lao động |
| Lao động phổ thông | 03 | 03 | | | | |
| Lao động kỹ thuật | 12 | 12 | | | | |
| Cán bộ điều hành | 02 | 02 | | | | |
| Tổng số: | 17 | 17 | ..... | | | ..... |

**III. Đánh giá chung về hoạt động của doanh nghiệp:**

- Hiệu quả kinh tế, xã hội của dự án (đến nay và tương lai):

+ Lợi ích của Nhà nước thu được từ dự án bao gồm các khoản thu : thuế VAT và thuế thu nhập Doanh nghiệp.

+ Lợi ích của Chủ đầu tư là khoản lợi nhuận ròng thu được sau khi thực hiện dự án

+ Hiệu quả xã hội của dự án: Dự án Khu liên hợp Bến xe Quảng Ngãi phù hợp với quy hoạch chung và yêu cầu phát triển của tỉnh Quảng Ngãi. Việc đầu tư xây dựng Khu liên hợp Bến xe Quảng Ngãi sẽ tạo được một khu đô thị hiện đại, hoàn chỉnh đồng bộ đáp ứng được các yêu cầu không gian kiến trúc, hạ tầng xã hội, cải tạo hạ tầng kỹ thuật, kết nối được hệ thống hạ tầng kỹ thuật của khu đô thị với hạ tầng kỹ thuật của khu dân cư hiện có, tạo được môi trường sống phù hợp, đảm bảo vệ sinh môi trường và điều kiện sống ổn định, đồng đều giữa khu dân cư hiện có và khu đô thị.

- Kế hoạch triển khai dự án trong thời gian tới, nêu công việc, tiến độ thời gian:

**Giai đoạn 1**: từ năm 2010 đến năm 2013

Hoàn tất công tác giải phóng mặt bằng

**Giai đoạn 2**: Từ năm 2014 đến Quý I/2015

+ Khởi công xây dựng và hoàn thành khu vực bến xe;

+ Khởi công xây dựng Khu Trung tâm thương mại – dịch vụ;

+ Hoàn thiện cơ sở hạ tầng và hoàn thiện các công trình xây dựng trong Khu dân cư;

**Giai đoạn 3:** Từ Quý II/2015 đến năm 2017: Hoàn thiện và đưa vào sử dụng Khu Trung tâm Thương mại – Dịch vụ.

- Các vấn đề khó khăn vướng mắc hiện nay:

+ Trở ngại trong quá trình thực hiện công tác đền bù giải phóng mặt bằng của dự án. Đã hơn 02 năm qua nhưng công tác bồi thường, GPMB của dự án vẫn chưa được giải quyết triệt để (còn 03 hộ dân chưa đồng ý nhận tiền bồi thường).

+ Nhiều khó khăn, vướng mắc kéo dài chưa được hỗ trợ, xử lý kịp thời như việc xác định giá đất tính thu tiền sử dụng đất của dự án, tình trạng xây dựng nhà trái phép của các hộ dân trong vùng dự án và các thủ tục đầu tư xây dựng các công trình do nhà đầu tư tự bỏ vốn.

+ Tác động tiêu cực của tình hình suy thoái kinh tế thế giới, khu vực và tình hình khó khăn từ nền kinh tế trong nước nói chung và tác động tiêu cực từ sự đóng băng của thị trường bất động sản nói riêng làm hạn chế doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Kiến nghị giải pháp tháo gỡ:

Trước những khó khăn, vướng mắc kể trên trong quá trình thực hiện dự án, Công ty Cổ Phần Thiên Ấn Holding kính đề nghị UBND tỉnh Quảng Ngãi và các Sở, Ban, Ngành trong tỉnh quan tâm, hỗ trợ doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn và tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp có thể thực hiện dự án thành công và đạt hiệu cao.

Công ty CP Thiên Ấn Holding xin trân trọng báo cáo.

*Ngày 01 tháng 07 năm 2013*

**KÝ THAY TỔNG GIÁM ĐỐC**

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

S.G.C.N: 3410320000 72 C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN THIÊN ẤN HOLDING TP. QUẢNG NGÃI

**Nguyễn Anh Tuấn**